TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH P**	**CỘNG HèA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tù do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HSST.
Ngày: 25-5-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh P tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tờn: Lê Anh T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 23/6/1978 tại thị trấn H, huyện H, tỉnh P; Nơi cư trú: khu 9 thị trấn H, huyện H, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tù do; Trình độ văn hóa: 12/12; Số CMND: 131344338 do Công an tỉnh P cấp; Bố đẻ: Lê Đoàn T, sinh năm 1948; Mẹ đẻ: Nguyễn T O sinh năm 1951; Cả bố và mẹ hiện ở thị trấn H, huyện H, tỉnh P; Vợ: Nguyễn Thị Kiều Liên sinh năm 1979 (đã ly hôn); Con: 01 con sinh năm 2003; Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Tiền án: không;

Tiền sự:

Ngày 27/6/2021 bị Công an thị trấn H xử phạt vi phạm hành chính, hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 01/7/2021 bị Công an xã Ấ, huyện H xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản (chấp hành xong ngày 01/7/2021).

Ngày 15/7/2021 bị Công an thị trấn H xử phạt vi phạm hành chính, hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 26/8/2021 bị Ủy ban nhân dân thị trấn H ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành đến ngày 25/10/2021 thì được chấm dứt).

Tại quyết định số 03/QĐ-TA ngày 11/11/2021, Tòa án nhân dân huyện H quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng (chưa chấp hành).

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn H, huyện H, tỉnh P. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại*: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1981 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu 10, thị trấn H, huyện H, tỉnh P

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liờn quan*: Anh Lê Thế L, sinh năm 1987 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: Khu 6, xã B, huyện H, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H nhận được tin báo do Công an thị trấn H chuyển đến với nội dung: Ngày 21/01/2022, chị Phạm Thị Đ sinh năm 1981 ở khu 10 thị trấn H, huyện H, tỉnh P có đơn trình báo về việc chị bị mất chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A6 Plus màu đen, bên trong lắp sim số 0943631381, chị Đ nghi ngờ Lê Anh T sinh năm 1978 ở khu 9 thị trấn H là người đã trộm cắp chiếc điện thoại trên.

Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H đã tiến hành kiểm tra xác minh làm rừ nội dung vụ án như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên khoảng 16 giờ ngày 21/01/2022, Lê Anh T điều khiển xe mô tô BKS 19H4-4501 đến nhà chị Phạm Thị Đ chơi. Đến nơi, T thấy có chị Đ cùng bố mẹ chị Đ ở nhà. T ngồi nói chuyện với bố chị Đ là ông Phạm Văn Lợi tại phòng khách. Khoảng 5 phút sau, T hỏi xin đi vệ sinh nhờ nên chị Đ bảo đi ra phía sau nhà. Khi đứng dậy, T nhỡn thấy chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A6 Plus màu đen của chị Đ để trên chiếc giường gội đầu kê sát tường ở phòng khách nên nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát thấy không có ai để ý, T lại gần cầm chiếc điện thoại rồi đúc vào túi quần bên trái đang mặc sau đã ra phía sau nhà đi vệ sinh. Khi quay lại, T đi ra sân, cất chiếc điện thoại vừa trộm cắp được vào trong cốp xe mụ tụ của mình rồi đi vào nhà ngồi uống nước. Khoảng 10 phút sau, T điều khiển xe ra về rồi đi đến cửa hàng sửa chữa điện thoại của anh Lê Thế L sinh năm 1987 ở khu 6 xã B, huyện H bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp với giá 1.500.000 đồng. Anh L tháo chiếm sim điện thoại đưa

lại cho T. T quay về nhà rồi cất chiếc sim trong phòng ngủ. Khoảng hơn 17 giờ cùng ngày, chị Đ phát hiện bị mất điện thoại nên làm đơn trình báo gửi Công an thị trấn H.

Ngày 22/01/2022, anh L đã tù nguyện giao nộp cho Công an thị trấn H chiếc điện thoại hiệu Samsung A6 Plus, T giao nộp chiếc sim điện thoại số 0943631381. Công an thị trấn H đã bàn giao vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H để yêu cầu định giá tài sản.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04 ngày 27/01/2022, Hội đồng định giá tài sản huyện H kết luận:

"01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A6 Plus màu đen có trị giá là 2.100.000 đồng".

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H, T khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên, Lời khai của T phù hợp với Lời khai bị hại về thời gian, địa điểm, đặc điểm tài sản trộm cắp.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cùng sim cho chị Đ.

Về dân sự: Chị Đ đã nhận lại các tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác. Anh Lê Thế L không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.500.000 đồng.

Về điều kiện kinh tế: Bị cáo không có nghề nghiệp, hiện đang sống cùng bố mẹ, không có tài sản riờng có giá trị.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo biết rừ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì động cơ vụ lợi.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-VT ngày 12/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh P đã truy tố đối với Lê Anh T về tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Anh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị phạt bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và trình bày tại phiên tòa như cáo trạng đã nêu. Bị cáo không tranh luận ǵ về tội danh, mức ḥnh phạt.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phũng nghị án, bị cáo núi Lời núi sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện H , Điều tra viên - Công an huyện H, Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện H trong Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tù, thủ tục quy định tại Bộ luật tố Tụng hình sự. Các quyết định tố Tụng của các cơ quan tiến hành tố Tụng đã được tống đạt cho bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[2]. Về nội dung:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng hơn 16 giờ ngày 21/01/2022, tại nhà chị Phạm Thị Đ ở khu 10 thị trấn H, huyện H, tỉnh P, Lê Anh T đã trộm cắp chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A6 Plus màu đen của chị Đ. Tài sản trộm cắp trị giá 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghỡn đồng). Do vậy hành vi của bị cáo Lê Anh T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3]. Về tính chất, động cơ, mục đích của hành vi phạm tội:

Về tính chất hành vi, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Bản thân bị cáo là người đã trưởng thành, có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức được trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật. Vì động cơ, mục đích vụ lợi, muốn kiếm tiền nhanh chúng mà không mất sức lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Phạm Thị Đ, điều đã thể hiện sự ngang nhiên, coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gõy hoang mang trong quần chỳng nhân dân, ảnh hưởng nếp sống văn minh của xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, cần xử lý nghiờm để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù, thuộc loại tội ít nghiêm trọng .

Tuy nhiên trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHH) đối với bị cáo.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 03 (ba) tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 (mười hai) tháng. Bị cáo chưa chấp hành mà tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ớt nghiờm trọng. Bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến và huân chương chiến sỹ vẻ vang, đồng thời bị hại Đ có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù giam, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo, để bị cáo cải tạo, tu dưỡng, rốn luyện trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đỡnh, xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đến 50 triệu đồng.

Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, hiện đang sống cùng bố mẹ, không có tài sản riờng có giá trị. Nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Cần xác nhận Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A6 Plus màu đen và 01 sim số 0943631381 cho bị hại Phạm Thị Đ. Chị Đ đã nhận lại các tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liờn quan anh Lê Thế L không yêu cầu bị cáo Lê Anh T phải trả lại số tiền 1.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[8]. Đối với anh Lê Thế L là người mua điện thoại của T, anh L không biết chiếc điện thoại do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 19H4-4501, Quá trình điều tra xác định là xe của bà O, mẹ đẻ bị cáo. Bà O không biết việc ngày 21/01/2022, T lấy xe đi rồi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý bà O là phù hợp.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố Tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Anh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Anh T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Anh T.

3. Về xử lý vật chứng:

- Xác nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Phạm Thị Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A6 Plus màu đen và 01 sim số 0943631381.

(Theo biên bản trao trả tài sản bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 25/3/2022 tại Trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh P)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Anh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân

tỉnh P để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh P;
- CA huyện H;
- Sở Tư Pháp tỉnh P;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND nơi b/c cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu AV, HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XẫT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊn TÒA

Trịnh Đình Yên

THÀNH VIấN HỘI ĐỒNG XẫT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIấN TÒA**

Trịnh Đỡnh Yờn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRè TỈNH P	**CỘNG HèA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tù do – Hạnh phỳc**
Số: 54/2018/TB -TA	*Việt Trỡ ngày 04 tháng 5 năm 2018*

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ XÉT XỬ HÌNH SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH P

- Căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật tố Tụng hình sự;

- Căn cứ vào bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2018/ HSST ngày 26 tháng 4 năm 2018 củ Toà án nhân dân thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ.

Thông báo cho UBND phường Võn Phỳ, xã Thụy Võn,thành phố Việt Trỡ, tỉnh P, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Pbiếtkết quả xét xử vụ án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo:

Họ và tờn: **1. Trần Thị Mựi**, sinh năm 1979 tại Yên Lập, Phú Thọ;

Nơi cư trú: khu 3, phường Võn Phỳ, thành phố Việt Trỡ, tỉnh P;

2. Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1983 tại Phù Ninh, Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu 6, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh P;

3. Thỏi Thị Thanh, sinh năm 1968 tại Hương Khê, Hà Tĩnh;

Nơi cư trú: Khu 1A, phường Võn Phỳ, thành phố Việt Trỡ, tỉnh P;

4. Vũ Thị Thanh Hường, sinh năm 1981 tại Đại Từ, Thỏi Nguyờn;

Nơi cư trú: Đội 4, xã Thụy Võn, thành phố Việt Trỡ, tỉnh P;

5. Dương Quốc Khánh, sinh năm 1976 tại Việt Trỡ, P;

Nơi cư trú: Khu 3, phường Võn Phỳ, thành phố Việt Trỡ, tỉnh P;

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Mựi, Nguyễn Văn Dũng, Vũ Thị Thanh Hường, Thỏi Thị Thanh, Dương Quốc Khánh phạm tội "Đánh bạc";

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, Điều 31, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Mùi 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 (Sỏu) ngày tạm giữ từ ngày 30/12/2017 đến ngày 05/01/2018 = 18 (Mười

tỏm) ngày, bị cáo cũn phải chấp hành 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Võn Phỳ, TP Việt Trỡ, tỉnh P nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt Nguyễn Văn Dũng 04 (Bốn) tháng tù giam, trừ 06 (Sỏu) ngày tạm giữ tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 05/01/2018, bị cáo Dũng cũn phải chấp hành 03 tháng 24 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, Điều 30, điểm h, p, s khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt Thỏi Thị Thanh: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung công.

Đối với bị cáo Vũ Thị Thanh Hường và bị cáo Dương Quốc Khánh Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, Điều 30, điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt tiền sung công các bị cáo số tiền như sau:

- Vũ Thị Thanh Hường: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

- Dương Quốc Khánh: 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng)

(*Số tiền bị xử phạt các bị cáoThỏi Thị Thanh, Vũ Thị Thanh Hường Dương Quốc Khánh phải nộp một lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật*

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiờu hủy 01 chiếc mành tre; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân không có giá trị sử dụng;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 5.200.000 đồng (Trong đã: Trần Thị Mùi: 1.350.000 đồng; Vũ Thị Thanh Hường: 1.700.000 đồng; Thỏi Thị Thanh: 450.000 đồng; Dương Quốc Khánh: 850.000 đồng; Nguyễn Văn Dũng: 850.000 đồng).(Theo biờn bản giao nhận vật chứng ngày 30/3/2018)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Thị Mựi, Vũ Thị Thanh Hường, Thỏi Thị Thanh, Nguyễn Văn Dũng, Dương Quốc Khánh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghỡn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận**:** **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRè**

- *UBND nơi các bị cáo cư trú*

- Lưu hồ sơ vụ án.